

THE ROLE OF THE NATIONAL LANGUAGE IN THE PROCESS OF INTERNATIONAL CULTURAL INTEGRATION

NGÔN NGỮ QUỐC GIA TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ VĂN HÓA

Hoàng Thị Ngọc Bích
Trường Đại học Quảng Bình

ABSTRACT: *In the process of international cultural integration, it is very important to actively accept opportunities to develop and preserve the national cultural identity. One component playing a key role in this process is the national language. Vietnamese as the national language of Vietnam has fully reflected the soul, personality of the Vietnamese people and the basic characteristics of Vietnamese culture. Therefore, on the basis of analyzing the relationship between language and culture, the article emphasizes the role of Vietnamese language in preserving national cultural identity in international integration of culture.*

Keywords: *Role, language, country, identity, culture, international integration.*

TÓM TẮT: *Trong quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa, việc chủ động đón nhận cơ hội phát triển và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là điều hết sức quan trọng. Một bộ phận đóng vai trò chủ đạo trong quá trình này là ngôn ngữ quốc gia. Tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ quốc gia của nước Việt Nam đã phản ánh đầy đủ tâm hồn, tính cách của người Việt Nam và những đặc trưng cơ bản của nền văn hóa Việt Nam. Vì vậy, trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, bài viết nhấn mạnh vai trò của tiếng Việt với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong hội nhập quốc tế về văn hóa.*

Từ khóa: *Vai trò, ngôn ngữ, quốc gia, bản sắc, văn hóa, hội nhập quốc tế.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo dòng chảy thời gian, hội nhập quốc tế về văn hóa xuất phát từ sự giao lưu văn hóa mà lợi ích là làm phong phú thêm đời sống tinh thần của con người. Trong suốt chiều dài lịch sử, Việt Nam đã trải qua nhiều cuộc tiếp biến văn hóa, chịu ảnh hưởng của văn hóa nước khác nhưng không tiếp thu một cách thụ động mà có sự sáng tạo, biến những tinh hoa văn hóa thế giới thành những đặc điểm riêng của nền văn hóa nước ta. Trong sự giao lưu đó, ngôn ngữ đóng một vai trò hết sức quan trọng, bởi nó giúp văn hóa Việt Nam có sự giao thoa, trao đổi với các nền văn hóa trên thế giới, tăng cường hợp tác, xây dựng xã hội tri thức toàn

diện và bảo tồn các di sản văn hóa.

Với tư cách là ngôn ngữ quốc gia, phương tiện giao tiếp chung của toàn xã hội, tiếng Việt đã và đang đóng vai trò quan trọng trong mọi mặt của đời sống xã hội Việt Nam. Tiếng Việt có lịch sử hình thành và phát triển rất đáng tự hào, trong đó đáng kể nhất là khả năng tiếp nhận vốn từ vựng từ bên ngoài, tự điều chỉnh chúng một cách chủ động, biến thành cái riêng, cái đặc biệt của người Việt. Tiếng Việt có ý nghĩa quan trọng để xác định bản sắc của các cá nhân như là nguồn sáng tạo và phương tiện để biểu hiện văn hóa, đảm bảo sự phát triển lành mạnh của xã hội. Vì thế, một tiếng Việt chuẩn mực, hiện đại đáp ứng được vai trò

của ngôn ngữ quốc gia, vừa có thể giữ được bản sắc của tiếng Việt, bản sắc văn hóa Việt Nam, vừa có thể tiếp nhận được ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài đang là đòi hỏi bức thiết của cuộc sống hiện nay.

2. NỘI DUNG

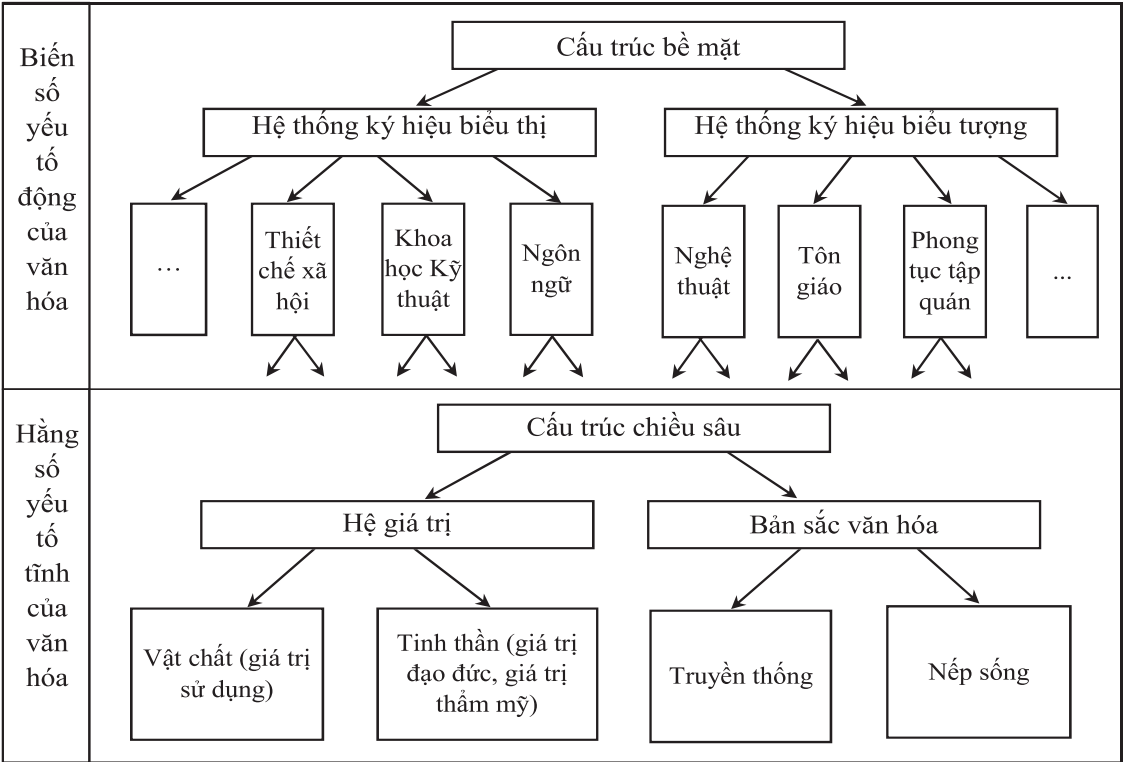
2.1. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa

Văn hóa và ngôn ngữ là hai đối tượng đặc biệt, là chất keo gắn kết các thành viên của một dân tộc với nhau và làm nên tính đặc thù của dân tộc. Do vậy mà giữa ngôn ngữ và văn hóa có mối quan hệ rất mật thiết. Nhờ có khả năng biểu trưng hóa lời nói đã để lại những dấu hiệu vật chất trong các hoạt động tinh thần của con người như âm nhạc, hội họa, điêu khắc, ... Những dấu hiệu ấy được thực hiện hóa thành những biểu tượng văn hóa. Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu phổ quát, có thể diễn tả, giải thích các hệ thống biểu tượng khác của văn hóa, sự phát triển của các hệ thống ký hiệu trong văn hóa đều liên quan đến sự phát triển ngôn ngữ. Vì vậy, văn hóa gắn với những tư tưởng tồn tại và được chuyển tải dưới hình

thức biểu trưng thông qua ngôn ngữ. Mảng vấn đề “ngôn ngữ và văn hóa” đã từng được quan tâm từ lâu, bởi lẽ học một thứ tiếng cũng tức là học nền văn hóa của ngôn ngữ đó. Những bài viết về lý thuyết giao tiếp, từ vựng - ngữ nghĩa, nghi thức lời nói, lịch sử ngôn ngữ, ... chính là đã đề cập đến quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa.

Suy ngẫm về văn hóa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng viết: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về ăn mặc ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa” [6]. Quan niệm này đã cho thấy nguồn gốc của văn hóa là vì lẽ sinh tồn của con người và ngôn ngữ là một bộ phận trong cấu trúc của văn hóa. Áp dụng cấu trúc ký hiệu, Giáo sư Phạm Đức Dương đã chia cấu trúc văn hóa thành hai bậc: Cấu trúc bề mặt và cấu trúc chiều sâu [2].

Sơ đồ cấu trúc hai bậc của văn hóa



Cấu trúc bề mặt bao gồm tất cả các hệ thống ký hiệu văn hóa nằm trên bề tầng được thay đổi liên tục. Đây là những biến số, là yếu tố động của văn hóa và cũng chính là đời sống văn hóa của một cộng đồng người nhất định. Cấu trúc chiều sâu là bộ phận khó nhìn thấy nằm dưới cơ tầng, là yếu tố tĩnh của văn hóa. Đó chính là những hệ giá trị văn hóa. Trong mỗi quan hệ này, cấu trúc chiều sâu là cái kết tinh, lắng đọng đóng vai trò định hướng và điều chỉnh những biến đổi trên bề mặt; các yếu tố trên bề mặt, trong quá trình biến đổi, dần dần thâm thấu và tác động đến cấu trúc chiều sâu, làm cho cấu trúc này cũng phải biến đổi theo. Vì vậy, ngôn ngữ nói riêng và văn hóa nói chung đều có sự thích nghi và thay đổi. Đó chính là mối quan hệ giữa quá khứ và hiện tại, giữa truyền thống và cách tân.

Ngôn ngữ cần thiết cho sự cấu tạo và

phát triển văn hóa cũng như cho trí tuệ, tư duy và ý thức của con người đến mức có thể nói rằng chính ngôn ngữ làm nên con người cũng như con người làm nên ngôn ngữ. Cũng vậy, ngôn ngữ làm nên văn hóa cũng như văn hóa làm nên ngôn ngữ. Văn hóa in đậm vào cách thức suy nghĩ của con người, và nó thể hiện ra ở ngôn ngữ. “Đặc trưng tinh thần của một dân tộc nằm trong ngôn ngữ và ngôn ngữ chính là đặc trưng tinh thần của dân tộc ấy” [4]. Tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ quốc gia của nước Việt Nam đã phản ánh rõ về tâm hồn, tính cách của người Việt Nam và những đặc trưng cơ bản của nền văn hóa Việt Nam.

2.2. Phát huy vai trò của ngôn ngữ quốc gia trong quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa

2.2.1. Sự thụ đắc tri thức ngôn ngữ và sự trau dồi thực tiễn ngôn ngữ

Thụ đắc ngôn ngữ là một thuật ngữ của tâm lý học và ngôn ngữ học. Đây là quá trình mà mỗi cá nhân chiếm lĩnh, nắm bắt ngôn ngữ để giao tiếp. Sự thụ đắc tri thức ngôn ngữ và sự trau dồi thực tiễn ngôn ngữ là cả một quá trình. Nó bao gồm ba thời kỳ: thời kỳ gia đình và nhà trẻ, thời kỳ trường học, thời kỳ xã hội. Đó là một quá trình tiếp nối, liên tục. Xã hội thường chú ý đến thời kỳ một và hai nhưng phải chăng chưa có sự chú ý thích đáng đến thời kỳ thứ ba - thời kỳ của sự ứng xử trong cuộc đời.

Thời kỳ thứ nhất là chủ yếu trẻ em “bắt chước” thực tiễn ngôn ngữ của những người xung quanh. Tâm lý - ngôn ngữ học đã có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát hiện, miêu tả quá trình phát triển ngôn ngữ ở lứa tuổi trước trường học này. Trẻ học những gì diễn ra quanh chúng, đặc biệt là các lời nói, cử chỉ qua những gì mà cha mẹ, người thân, hàng xóm,.. nói và làm. Điều này cũng có nghĩa là trẻ đang học cách thực hiện và tuân thủ các chuẩn mực về lời nói và việc làm có tính xã hội. Điều dễ thấy là ảnh hưởng hầu như quyết định của gia đình và nhà trẻ. Vì vậy, có những trẻ em rất khác nhau trong thực tiễn ngôn ngữ và thực tiễn này phản ánh những tri thức ngôn ngữ khác nhau.

Thời kỳ trường học được coi là đặc biệt quan trọng, thời kỳ của sự hệ thống hóa, sự trừu tượng hóa tri thức về ngôn ngữ. Chỉ khi học tiếng mẹ đẻ trong nhà trường thì ý thức mới tham gia vào. Quá trình thụ đắc ngôn ngữ được diễn ra trong môi trường học tập ở nhà trường là một hoạt động có ý thức, có tổ chức. Những tri thức này không phải chỉ hạn chế ở bản ngữ mà còn phải mở rộng dần đến cái chung cơ bản trong ngôn ngữ loài người.

Thời kỳ xã hội quan trọng vì nó là thời kỳ chứng minh cho hiệu lực của sự giảng

dạy ngôn ngữ, của văn hóa ngôn ngữ, từ thời kỳ thứ nhất qua thời kỳ thứ hai. Đó là hiệu lực đào tạo nên những cá nhân có khả năng ứng xử ngôn ngữ. Đó không chỉ là khả năng phát ngôn mà còn là khả năng phán đoán về các phát ngôn.

Quá trình cá nhân thụ đắc tri thức ngôn ngữ và trau dồi thực tiễn ngôn ngữ cũng chính là quá trình cá nhân tiếp thu văn hóa của cộng đồng. Ở thời kỳ thứ nhất và thứ hai thì gia đình và nhà trường đóng vai trò hết sức quan trọng để uốn nắn, định hướng ngôn ngữ cho các em. Lớp trẻ học những bài học đầu tiên về các biểu tượng, niềm tin và giá trị, vốn là những cốt lõi của văn hóa truyền thống đầu tiên là từ gia đình và sau đó, ở trường học. Ở cả hai nơi, phương tiện truyền dạy chính vẫn là qua ngôn ngữ. Qua lời dạy của bố mẹ. Qua lời giảng của thầy cô giáo. Qua những câu tục ngữ, ca dao cũng như các câu chuyện ngụ ngôn và cổ tích mà các em được nghe đây đó. Tính chất truyền khẩu trong văn hóa dân gian (folklore) chính là một minh chứng cho vai trò của ngôn ngữ trong việc duy trì và nuôi dưỡng văn hóa nói chung.

Nhờ những tri thức, chuẩn mực ngôn ngữ đã được bồi đắp, lĩnh hội ở thời kỳ một và hai mà ở thời kỳ thứ ba mỗi cá nhân đã hình thành được kỹ năng sàng lọc và lựa chọn phát ngôn phù hợp trong từng hoàn cảnh cũng như các mối quan hệ xã hội. Thông qua việc thể hiện ngôn ngữ của mỗi cá nhân và cộng đồng, dấu ấn văn hóa dân tộc vì vậy cũng được biểu hiện. “Xây dựng ngôn ngữ cũng chính là văn hóa ngôn ngữ - và “văn hóa” ở đây cũng như “cult” - có nghĩa là cấy trồng, vun đắp; phát triển thành một sản phẩm tinh thần có giá trị làm cho cuộc sống của con người được nâng lên tới những phẩm chất có sức bền vững liên tục trong nhân dân” [8].

2.2.2. Ngôn ngữ quốc gia với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc

Báo cáo chính trị tại Đại hội XII của Đảng đã nhấn mạnh vai trò của văn hóa trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, giai đoạn chủ động và tích cực hội nhập quốc tế ở những điểm chính sau: “Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa. Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa. Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa” [1]. Để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội, làm chủ quá trình hội nhập quốc tế, mỗi cá nhân cần hiểu được các giá trị, các chuẩn mực chung, hiểu được sự tác động qua lại giữa những yếu tố của văn hóa chung và văn hóa quốc gia - dân tộc cũng như hệ quả của sự tác động đó trong phát triển đất nước.

Bất cứ một quốc gia nào, muốn xây dựng một nền văn hóa độc lập, tự chủ cũng không thể không chú ý đến tính chất dân tộc của nó. Nói đến bản sắc văn hóa của Việt Nam thì không thể bỏ qua một bộ phận hết sức quan trọng là ngôn ngữ dân tộc. Nhìn lại chặng đường phát triển của tiếng Việt từ thuở dựng nước, giữ nước đến nay, trải qua biết bao thăng trầm của lịch sử, với không ít mưu đồ đồng hóa nhưng tiếng Việt không những không bị đồng hóa mà còn phát triển và ngày càng hoàn thiện, đảm đương tốt vai trò là ngôn ngữ văn hóa dân tộc. Chúng ta

thấy được sức sống mạnh mẽ của một ngôn ngữ đã là niềm tự hào của biết bao thế hệ - ngôn ngữ ấy không dễ dàng để mất đi bản sắc của mình. Đặc biệt, trong điều 5, Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: “Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình” [5]. Cho nên đưa nội dung quy định về ngôn ngữ quốc gia trong Hiến pháp năm 2013 thể hiện quyết tâm của nhà nước trong việc giữ gìn, bảo tồn, phát huy sự trong sáng của tiếng Việt.

Trong khuôn khổ bài báo, chúng tôi đã thực hiện một khảo sát nhỏ với đối tượng là những bạn trẻ (độ tuổi từ 18 đến 25) ở Quảng Bình, số lượng tham gia n=300, nội dung câu hỏi như sau:

PHIẾU KHẢO SÁT VIỆC SỬ DỤNG NGÔN NGỮ

Câu 1. Mức độ sử dụng tiếng Việt phổ thông của bạn.

- A. trên 75% B. từ 50% đến 75%
C. từ 25% đến 50% D. dưới 25%

Câu 2. Mức độ sử dụng tiếng lóng để giao tiếp.

- A. trên 75% B. từ 50% đến 75%
C. từ 25% đến 50% D. dưới 25%

Câu 3. Mức độ sử dụng chêm xen ngoại ngữ khi giao tiếp.

- A. trên 75% B. từ 50% đến 75%
C. từ 25% đến 50% D. dưới 25%

Câu 4. Mức độ sử dụng ngôn ngữ theo kiểu viết tắt, viết ký hiệu.

- A. trên 75% B. từ 50% đến 75%
C. từ 25% đến 50% D. dưới 25%

Câu 5. Mức độ sử dụng ngôn từ mang tính nói tục, chửi bậy.

- A. trên 75% B. từ 50% đến 75%
C. từ 25% đến 50% D. dưới 25%

Kết quả chúng tôi thu được và tính theo % từng câu hỏi được tổng hợp trong bảng sau:

Câu		Đáp án A	Đáp án B	Đáp án C	Đáp án D
Câu 1. Mức độ sử dụng tiếng Việt phổ thông của bạn.	Số lượng	255	45	0	0
	%	85	15	0	0
Câu 2. Mức độ sử dụng tiếng lóng để giao tiếp.	Số lượng	0	0	260	40
	%	0	0	87	13
Câu 3. Mức độ sử dụng chêm xen ngoại ngữ khi giao tiếp.	Số lượng	0	0	250	50
	%	0	0	83	17
Câu 4. Mức độ sử dụng ngôn ngữ theo kiểu viết tắt, viết ký hiệu.	Số lượng	0	0	270	30
	%	0	0	90	10
Câu 5. Mức độ sử dụng ngôn từ mang tính nói tục, chửi bậy.	Số lượng	0	0	80	220
	%	0	0	27	73

Qua khảo sát cho thấy việc sử dụng tiếng Việt phổ thông là điều tất yếu đối với mỗi người. Bên cạnh đó, từ câu 2 đến 5 cũng cho thấy hiện tượng sử dụng tiếng lóng, chêm xen ngoại ngữ, sử dụng ngôn ngữ theo kiểu viết tắt, viết ký hiệu khá phổ biến trong giới trẻ. Không thể phủ nhận rằng, việc sử dụng tiếng lóng, ngôn ngữ nước ngoài cũng có tác dụng nhất định như: khả năng truyền đạt thông tin nhanh, tiết kiệm thời gian (chủ yếu dùng ký hiệu, viết tắt), có những yếu tố sáng tạo,... làm cho hoạt động giao tiếp cũng phong phú hơn, song các bạn trẻ hiện nay đang lạm dụng và sử dụng tiếng lóng một cách tràn lan. Vấn đề này trực tiếp ảnh hưởng đến khả năng phát triển tư duy, kỹ năng giao tiếp, đặc biệt

trong việc trình bày ý tưởng cũng như khi thể hiện văn bản, gây bất lợi trong quá trình học tập và làm việc. Tình trạng nói tục, chửi thề vẫn đang phổ biến trong giới trẻ. Chính điều này làm mất dần sự trong sáng và vẻ đẹp riêng từ lời ăn tiếng nói đến văn viết của chính người Việt. Cho nên, để phát huy vai trò của tiếng Việt trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế về văn hóa chúng ta cần quan tâm những nội dung sau:

Một là, muốn giữ được bản sắc tinh hoa của ngôn ngữ dân tộc thì giữ gìn tính chất *trong sáng* của tiếng nói dân tộc là một việc vô cùng quan trọng. Muốn bảo vệ được tính chất trong sáng của ngôn ngữ dân tộc, chúng ta phải tận dụng vốn từ quý báu và

phong phú mà cha ông ta đã sáng tạo và gom góp nên. Đó là những từ thông thường trong tiếng nói của nhân dân ta. Khái niệm “sự trong sáng của tiếng Việt” mà cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã trình bày là: “Chữ giữ gìn ấy bao hàm một ý quan trọng là chúng ta không thể để mất đi một cái gì vô cùng quý báu, một cái gì khiến cho tiếng Việt là tiếng Việt, thứ tiếng mà cha ông ta đã xây dựng và bảo vệ trong lịch sử rất lâu đời của dân tộc. Nhưng nói như vậy không có ý chỉ nhìn về quá khứ, trái lại còn phải nhìn về tương lai. Mà tương lai của đất nước ta, của xã hội ta, của tiếng ta là một sự phát triển với triển vọng vô cùng rộng lớn” [3]. Tức là, một mặt phải giữ gìn “bản sắc” của tiếng Việt, nhưng mặt khác, cũng không phủ nhận một thực tế là “sự phát triển” không ngừng của tiếng Việt cũng như bất kỳ ngôn ngữ nào. Một thực tế hiện nay là việc sử dụng tiếng lóng rất phổ biến trong thế hệ trẻ. Bên cạnh những mặt tích cực thì việc lạm dụng tiếng lóng hiện nay ở giới trẻ khiến cho tiếng Việt có nguy cơ bị xâm hại xét về phương diện văn hóa ngôn ngữ; làm cho ngôn ngữ dân tộc bị méo mó, mất giá trị văn hóa của tiếng Việt, mất bản sắc văn hóa ngôn ngữ nước nhà. Trong hoạt động giao tiếp hiện nay, chúng ta không khỏi bất ngờ với những câu, từ, cụm từ lóng mà các bạn trẻ sử dụng, có nhiều từ khó hiểu và không thể hiểu như: “chằm Zn” (trầm cảm), “sin lủi” (xin lỗi), “ét o ét” (cứu với), “xu cà na” (mệt mỏi, buồn), “gét gô” (đi nào),... Việc biến tướng các câu ca dao tục ngữ như “học ăn, học nói, học gói, học bài”, “một câu nhin, chín câu chữ” hay “đánh người chạy đi không ai đánh người chạy bộ”, “voi chín ngà, gà chín nước mắm”,... đã làm lệch lạc

đi ý nghĩa vốn có của nó. Thậm chí, trong nhiều trường hợp, tiếng lóng bị lạm dụng, như khi hỏi thăm sức khỏe người lớn tuổi thì: “Sức khỏe của bác có ngon lành cảnh đào không?”,... Vì vậy, vừa giữ gìn sự trong sáng, vừa phát triển tiếng Việt là nhiệm vụ không chỉ của các nhà văn hóa, khoa học Việt Nam mà còn là nhiệm vụ, ý thức của mỗi người dân Việt Nam. Đối với mỗi cá nhân thì việc không ngừng học tập, trau dồi ngôn ngữ tiếng Việt để giao tiếp, để hội nhập chính là góp phần nâng cao vai trò của văn hóa trong cuộc sống.

Hai là, hiện tượng tiếp xúc ngôn ngữ được diễn ra ở những con người trong xã hội. Thế nhưng khi bước vào giai đoạn đổi mới, thực hiện nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, nhiều ngôn ngữ nước ngoài (ngoại ngữ) được sử dụng khá phổ biến ở nước ta như tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Nhật, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc,... Ở đó, có thể nảy sinh những xung đột bản ngữ - ngoại ngữ. Đó là những xung đột không những giữa các ý thức coi trọng, coi khinh bản ngữ hoặc ngoại ngữ, mà còn là xung đột giữa ý thức về giá trị, về khả năng hành chức của những chất liệu ngôn ngữ khác nhau của bản ngữ hoặc của ngoại ngữ và xung đột giữa những kỹ năng, những thói quen sử dụng những chất liệu đó. Hiện tượng chêm xen ngôn từ là chuyện tất yếu của văn hóa ngôn ngữ trong bối cảnh giao tiếp, tiếp xúc văn hóa ngày càng rộng khắp. Việc giới trẻ thường sử dụng tiếng lóng pha trộn giữa ngôn ngữ nước ngoài và tiếng Việt để nói với tất cả các đối tượng tham gia hội thoại bằng các kiểu câu như: “*ok cô*”, “*thank-kiu thầy*”, “*sorry anh*”, “*Có nhiều fan hâm mộ ghê*”, “*Download*

xong chưa?”, Bạn *fair play* quá”, “*Open tour* này chỉ dành cho nhóm khách *teen*”, “Lập trình viên là một *hot-job* nhất hiện nay” ... đã trở nên phổ biến. Hoặc, “Sự thật thì luôn luôn đơn giản nhưng *people make it complicated* (mọi người cứ thích phức tạp hóa lên), nên là mình cứ *enjoy cái moment* (tận hưởng khoảnh khắc) này” [10]. Những hiện tượng chêm xen ngoại ngữ này ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự trong sáng của tiếng Việt. Chính vì thế, mỗi người nên có ý thức hạn chế việc lạm dụng này để bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. Nghĩa là, mỗi cá nhân phải tìm ra giải pháp, theo ý thức bản ngữ. Ý thức đó, phần cơ bản trong ý thức nói chung của con người, không thể là bẩm sinh, không thể là tự nhiên; mà có được là qua xã hội và qua học tập, rèn luyện. Đối với sự nghiệp bảo vệ bản ngữ và tăng sức phát triển của nó qua sự mở rộng phạm vi hành chức của nó, trong một quá trình tiếp xúc ngôn ngữ, thì vai trò và cống hiến của ý thức bản ngữ ở trong những cá nhân là nhân tố rất tích cực. Ý thức đó có thể phát triển thành cái bản lĩnh ngôn ngữ ở những cá nhân có hiểu biết sâu sắc về bản ngữ và đạt tới một sự hiểu biết nhất định, cả trình độ sử dụng nhất định.

Ba là, trong xu thế hội nhập và phát triển năng động của cuộc sống, tiếng Việt đã mở rộng, phát triển vốn từ vựng bằng cách vay mượn hoặc tổ chức lại các yếu tố đã có để tạo ra từ mới. Sự gia tăng vốn từ vựng tiếng Việt có mặt tích cực là đã đáp ứng một cách kịp thời nhu cầu giao tiếp các thành viên trong xã hội, đồng thời làm cho tiếng Việt ngày càng phong phú hơn. Có nhiều từ ngữ mới có yếu tố sáng tạo, tinh tế, chuẩn xác, làm cho tiếng Việt thêm đẹp.

Bên cạnh yếu tố tích cực, sự mở rộng vốn từ vựng thời gian gần đây cũng thể hiện không ít các yếu tố tiêu cực như việc lạm dụng từ Hán Việt. Ví dụ như, từ “cứu cánh” có nghĩa là “mục đích”, nhưng trên thực tế lại có rất nhiều người dùng với nghĩa “cứu giúp”; từ “yếu điểm” nghĩa là “điểm quan trọng” lại được nhiều người dùng theo nghĩa: khuyết điểm, nhược điểm,... Bên cạnh đó, việc vay mượn thêm từ ngôn ngữ khác một cách tràn lan, việc sử dụng các ký hiệu đơn giản và biến nó thành ký hiệu chung để sử dụng của giới trẻ để nói và viết ở mọi lúc, mọi nơi như: *Pan co koe ko?* (Bạn có khỏe không?), *Pan dag lam j?* (Bạn đang làm gì?), *wá* (quá), *wen* (quen), *wên* (quên),...; Không chỉ dừng lại ở việc nhắn tin qua điện thoại cho bạn bè, người cùng trang lứa mà nhiều khi các bạn trẻ còn sử dụng kiểu viết ấy để giao tiếp với cả anh chị, bố mẹ, thầy cô,... Thậm chí do thói quen nên một số bạn đưa những từ viết tắt vào bài kiểm tra, bài thi,... Cho nên cần có sự can thiệp, chấn chỉnh kịp thời để tiếng Việt mãi là “linh hồn dân tộc” và là “tấm gương phản chiếu văn hóa dân tộc” [7]. Những gì tiếng Việt thể hiện được một cách chính xác, súc tích, rõ ràng thì không dùng ngôn ngữ vay mượn. Ngôn ngữ không di truyền như văn hóa nhưng văn hóa thì in đậm vào cách thức suy nghĩ của con người và nó thể hiện ra ở ngôn ngữ. “Đặc trưng tinh thần của một dân tộc nằm trong ngôn ngữ và ngôn ngữ chính là đặc trưng tinh thần của dân tộc ấy” [4]. Do đó, nâng cao nhận thức về vai trò của ngôn ngữ, khơi gợi, củng cố tình yêu đối với tiếng Việt và tích cực giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong hội nhập văn hóa là việc làm hết sức cần thiết trong giáo dục hiện nay.

3. KẾT LUẬN

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập với các quốc gia trên thế giới. Trong quá trình đó, không thể chỉ có đồng thuận mà còn có cả mâu thuẫn, xung đột trên nhiều phương diện và cấp độ khác nhau. Hội nhập thành công, khi thước đo của nó không chỉ ở các lĩnh vực kinh tế và công nghệ mà phải đo bằng sự thành công của hội nhập văn hóa. Vì vậy, trước hết trong hội nhập cần khẳng định vai trò đặc biệt không thể thiếu của văn hóa cũng như việc giữ gìn và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, giữ gìn bản sắc không loại trừ sự tiếp biến văn hóa; văn hóa dân tộc phải hội lưu với văn hóa nhân loại, rồi theo dòng chảy của nó mà tiếp thu những cái “chân - thiện - mỹ” của các nền văn hóa trên thế giới để bồi đắp cho nền văn hóa nước nhà.

Tiếng Việt là một bộ phận không thể thiếu để làm nên đặc thù và bản sắc văn hóa Việt Nam. Trong số các dấu hiệu để phân biệt dân tộc này với dân tộc kia, Ernest Hobsbawm đã chỉ ra: “Sự tồn tại của giới

trình hoa văn hóa đã được khẳng định chắc chắn từ lâu, giới trình hoa này có ngôn ngữ chữ viết dân tộc” [9]. Nhìn cả quá trình lịch sử, tiếng Việt hôm nay đã thay đổi rất nhiều về diện mạo: giàu hơn và đa năng hơn trong việc thể hiện công cụ giao tiếp ở mọi lĩnh vực, cách dùng từ chuẩn với đại đa số, mang tư duy dân tộc. Ngôn ngữ quốc gia Việt Nam đủ phong phú và sâu sắc để phản ánh một cách cơ bản mọi mặt đời sống tinh thần, vật chất của con người Việt Nam. Do đó, vấn đề đặt ra là chúng ta phải kế thừa những giá trị ngôn ngữ truyền thống và hội nhập như thế nào để đừng đánh mất bản sắc của tiếng Việt. Một trong những nhân tố quan trọng là ý thức và bản lĩnh ngôn ngữ của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Bản lĩnh ấy là phần rất quý báu trong cái mẫu về con người Việt Nam, trên đất nước Việt Nam ngày càng phát triển, trong sự tiếp xúc ngôn ngữ và tiếp xúc văn hóa ngày càng rộng mở, một cách sinh động hơn, phong phú hơn với thế giới, với loài người, trong sự bình đẳng và hợp tác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.
- [2] Phạm Đức Dương (2007), *Việt Nam - Đông Nam Á - Ngôn ngữ và văn hóa*, NXB Giáo dục.
- [3] Phạm Văn Đồng (2006), *Về văn hóa và văn học nghệ thuật*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [4] Đinh Văn Đức (2012), *Ngôn ngữ học đại cương - Những nội dung quan yếu*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
- [6] Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập*, NXB.
- [7] Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- [8] Hoàng Tuệ (1996), *Ngôn ngữ và đời sống xã hội - văn hóa*, NXB Giáo dục.
- [9] V.M.Mezhnev (2012), *Tư tưởng văn hóa - Khái luận về triết học văn hóa* (người dịch: Hoàng Thu Hương, Dương Công Thao), NXB Chính trị quốc gia - Sự thật.
- [10] <https://tuoitrethudo.com.vn/chem-xen-ngoai-ngu-khi-giao-tiep-nguy-co-phai-nhat-va-mat-ban-sac-tieng-viet>.

Liên hệ:

ThS. Hoàng Thị Ngọc Bích

Khoa Sư phạm, Trường Đại học Quảng Bình.

Địa chỉ: 18 Nguyễn Văn Linh, Đồng Hới, Quảng Bình

Email: hoangngocbichqb@gmail.com

Ngày nhận bài: 01/6/2023

Ngày gửi phản biện: 05/6/2023

Ngày duyệt đăng: 20/7/2024